

# NGHIÊN CỨU SO SÁNH: MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA ĐỨC VÀ MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỰ DO

TS. Hoàng Xuân Trung  
*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

## I. Giới thiệu tổng quát về nền kinh tế Đức

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, các nhà kinh tế học như Walter Eucken và Andreas Muler-Armack đã phát triển mô hình Kinh tế thị trường xã hội. Có thể nói Ludwig Erhard (1949-1963: Bộ trưởng Bộ Kinh tế; 1963-1969: Thủ tướng Đức) là chính trị gia có ảnh hưởng lớn nhất trong việc hình thành Kinh tế thị trường xã hội Đức và tạo ra sự thần kỳ kinh tế trong những năm 50 và 60. Trong thời gian đó, mô hình này được đưa ra là sự lựa chọn thay thế cho mô hình chủ nghĩa xã hội của các đảng cánh tả Đức.

Kinh tế thị trường xã hội Đức phát triển mạnh mẽ từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai từ sự tài trợ bởi kế hoạch Marshall. Đến cuối năm 1950, nước Đức trở thành nước đứng thứ hai về phát triển kinh tế trên thế giới.

Các thành tựu chính của nền Kinh tế thị trường xã hội Đức đã đạt được là: Ổn định kinh tế vĩ mô ở cao; Tăng trưởng kinh tế nhanh, lạm phát thấp; Không có các cuộc đình công lớn của người lao động (có thể so sánh với Pháp); Tự do xã hội; An sinh xã hội

bao trùm rộng rãi và hoà nhập xã hội ở cấp độ cao.

Tuy nhiên, thời kì phát triển hoàng kim của Đức kéo dài không lâu. Năm 1990, Đông Đức và Tây Đức được hợp nhất, Đức phải đối mặt với một Đông Đức kém phát triển về tất cả các mặt kinh tế, xã hội. Nền kinh tế Đức bắt đầu suy giảm.

Hiện nay, Đức vẫn là một trong những nước công nghiệp phát triển nhất thế giới, đứng thứ ba thế giới sau Mỹ và Nhật Bản về GDP. Xuất khẩu của Đức chiếm 9% tổng xuất khẩu của thế giới. Mặc dù Đức mất đi vị trí số một về xuất khẩu vào năm 2009 (Trung Quốc nổi lên là nước xuất khẩu hàng đầu thế giới sau khi vượt qua Đức), nhưng Đức vẫn là nước xuất khẩu hàng đầu ở châu Âu. Xuất khẩu của Đức chiếm 47,5% tổng GDP vào năm 2008<sup>1</sup>. Các ngành công nghiệp chủ yếu là: chế tạo xe hơi; chế tạo máy móc, thiết bị; công nghiệp hoá chất; công nghiệp kỹ thuật

---

<sup>1</sup>  
[http://siteresources.worldbank.org/ECAEXT/Resource/258598-1284061150155/7383639-1323888814015/8319788-1324485944855/06\\_germany.pdf](http://siteresources.worldbank.org/ECAEXT/Resource/258598-1284061150155/7383639-1323888814015/8319788-1324485944855/06_germany.pdf)

điện và điện tử. Từ 1975, Đức là thành viên của G.8.

## **2. Kinh tế thị trường xã hội, có phải sự điều kỳ kinh tế ?**

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Đức thực hiện đường lối “Kinh tế thị trường xã hội” với phương châm “ít nhà nước như có thể, nhiều nhà nước như cần thiết”. Nhà nước không can thiệp vào việc hình thành giá cả và lương bổng mà chỉ tạo điều kiện khung cho các quá trình kinh tế phát triển sao cho có hiệu quả cao và đảm bảo công bằng, ổn định xã hội.

Cải cách nổi bật nhất là cải cách tiền tệ, đồng Reichsmark được thay thế bởi đồng Deutsche Mark vào ngày 21/6/1948. Kế hoạch cải cách tiền tệ chủ yếu do Mỹ quản lý, có sự tham gia của các chuyên gia. Cải cách đó giúp củng cố nền kinh tế và hội nhập vào ERP (khôi phục kinh tế châu Âu), được biết dưới cái tên Kế hoạch Marshall. Mỗi công dân Đức nhận được một số tiền ban đầu là 50DM, rồi 1 DM đổi lấy 10 Reichsmark và 93% số lượng tiền lưu hành bị hủy vào năm 1948. Vào năm 1949, Ludwig Erhard trở thành Bộ trưởng Kinh tế và sáng lập ra khái niệm Kinh tế thị trường xã hội.

Kinh tế thị trường xã hội là ý tưởng chính trị của Cộng hòa Liên bang Đức, ban đầu chỉ là một ý tưởng thường, một khái niệm được chuyển đổi vào nền kinh tế Đức với sự pha trộn của 2 hệ thống (hệ thống kinh tế kế hoạch hoá và kinh tế tự do). Nó tác động tới thị trường kinh tế tự do và hạn

chế sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế. Khái niệm kinh tế thị trường xã hội có nguyên tắc tự do trong thị trường và bù trừ xã hội, khi lợi thế của kinh tế thị trường được ví như nền kinh tế tự do và phát triển công nghệ. Ngược lại, cũng có nhiều bất lợi của 2 nền kinh tế, đó là sự lợi dụng thị trường tự do. Nhà nước cần phải có chỗ đứng vững chắc để đưa ra quyết định liên quan đến lợi ích chung cho chính sách kinh tế và xã hội.

Khởi đầu của chế độ là nguyên tắc phối hợp và cạnh tranh; hạn chế độc quyền; tư tưởng Kinh tế thị trường xã hội là con người; mỗi người đều chịu trách nhiệm về những gì mình làm và của người khác.

### *Sự phát triển của mô hình nhà nước phúc lợi*

Trước Chiến tranh thế giới thứ Hai, một số nước, đầu tiên là Đức, thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội dựa trên mô hình bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, các chương trình phúc lợi xã hội đã được thực hiện một cách toàn diện hơn, đảm bảo cho người lao động một mức sống cơ bản và là một trong những mô hình giúp cho Đức có sự phát triển thần kì trong thời gian đó. Vậy mô hình nhà nước phúc lợi là gì? Và nó hoạt động ra sao?

Khái niệm về mô hình kinh tế thị trường của Đức hay còn gọi là nhà nước phúc lợi hiện nay vẫn còn gây tranh cãi, và cuộc tranh cãi vẫn còn tiếp tục về trách nhiệm của chính phủ đối với phúc lợi của người dân. Mô hình

này đề cập đến việc cung cấp các dịch vụ công của chính phủ cho người dân như y tế, giáo dục và an sinh xã hội, cho tất cả người dân bất kể địa vị hay sự nghèo khó của bản thân người đó. Mô hình này cũng đề cập đến việc hỗ trợ của chính phủ cho những người dân không thể tự lo cho bản thân do các vấn đề về sức khỏe, thất nghiệp, bệnh tật, hoặc các thảm họa thiên nhiên.

Theo học thuyết của Keynes, việc gia tăng chi tiêu của chính phủ sẽ kích thích tổng cầu, điều này cũng có nghĩa rằng việc đẩy mạnh chi tiêu xã hội cho các mục tiêu phúc lợi xã hội sẽ làm giảm sự bất ổn và giao động của chu kỳ kinh tế. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng năng lượng vào giữa những năm 1970 và sự trì trệ của nền kinh tế đã đưa ra mối nghi ngờ về học thuyết của Keynes, việc thu hẹp nhà nước phúc lợi đã bắt đầu xảy ra (Myles 1984). Một số nhà kinh tế chỉ trích mô hình nhà nước phúc lợi đã cho rằng việc mở rộng chương trình chi tiêu cho phúc lợi xã hội một cách quá mức làm nảy sinh khủng hoảng kinh tế. Lập luận chính của họ là nhà nước phúc lợi làm giảm lợi nhuận của nhà tư bản thông qua việc không khuyến khích làm việc và đầu tư (Bosworth 1980, Fiedler 1975, Haveman 1978). Những người chỉ trích kết luận rằng, chính việc kiểm soát kinh tế vĩ mô và phúc lợi xã hội đã cản trở tăng trưởng kinh tế do làm suy yếu kinh tế thị trường. Các chính phủ đã ngày càng chấp nhận lý thuyết kinh tế theo trường phái tiền

tệ<sup>2</sup> và bắt đầu cắt giảm chi tiêu công, đặc biệt chi tiêu cho phúc lợi xã hội.

Khi khủng hoảng kinh tế làm giảm đi niềm tin về tăng trưởng kinh tế bền vững và lâu dài có thể đạt được không qua việc mở rộng các chương trình phúc lợi xã hội, các nhà xã hội học đã không chấp nhận việc mở rộng phúc lợi xã hội như là một phương tiện không thể thiếu được dẫn đến phát triển kinh tế hoặc như là một giải pháp mỹ mãn để ổn định kinh tế.

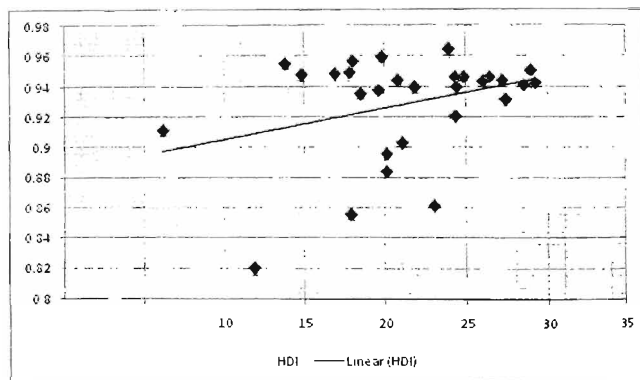
Một số người chỉ trích mô hình nhà nước phúc lợi và cho rằng mô hình này sẽ làm cho người dân phụ thuộc vào nhà nước và ít có động lực để làm việc. Điều này có nghĩa rằng, do trợ cấp của nhà nước cho người dân nhiều hơn so với những nước theo đuổi mô hình kinh tế thị trường tự do, sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm lại. Tuy nhiên, nghiên cứu thực tế lại chỉ ra rằng không có mối quan hệ giữa kết quả kinh tế và chi tiêu cho phúc lợi xã hội của chính phủ ở các nước phát triển (Atkinson, A. B, 1995). Như vậy, tăng chi tiêu của chính phủ cho các mục tiêu phúc lợi xã hội như giáo dục, y tế và an sinh xã hội, chưa chắc đã ảnh hưởng đến các chi

<sup>2</sup> Trong đề tài nghiên cứu cấp Viện năm 2007 có chủ đề "*Mô hình kinh tế thị trường tự do dưới thời Thatcher*", tác giả đã chỉ ra rằng, trước khi Thatcher lên cầm quyền, học thuyết của Keynes được sử dụng thịnh hành, tức là chính phủ đẩy mạnh chi tiêu công, nhằm thúc đẩy tổng cầu, qua đó sẽ chống được suy thoái kinh tế. Tuy nhiên, chính những chính sách này đã dẫn đến tình trạng lạm phát cao ở Anh, kinh tế bắt đầu suy thoái vào những năm 1970. Sau khi Thatcher lên cầm quyền, bà đã thực hiện chính sách theo trường phái tiền tệ, tức là thắt chặt chi tiêu công, tăng lãi suất. Điều này đã giúp nền kinh tế của Anh tăng trưởng và lạm phát giảm.

số kinh tế. Đồng thời cũng không có bằng chứng nào chỉ ra rằng mô hình Kinh tế thị trường xã hội sẽ cản trở sự phát triển xã hội. Nghiên cứu của R. E. Goodin và đồng nghiệp (1999) cho thấy: Mỹ là nước theo mô hình kinh tế thị trường tự do, có một số chỉ số kinh tế và xã hội tồi tệ hơn so với Netherland, là nước cung cấp dịch vụ phúc lợi cao cho công dân. Tuy nhiên, Mỹ lại là nước dẫn đầu các nước theo mô hình nhà nước phúc lợi về một số chỉ tiêu kinh tế như: GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Mỹ cũng là nước có tỉ lệ thất nghiệp thấp.

Một câu hỏi được đặt ra ở đây là liệu tăng chỉ tiêu cho phúc lợi xã hội có làm tăng các chỉ số phát triển con người. *Chỉ số phát triển con người* (Human Development Index - HDI) là chỉ số bao gồm các tiêu chí: tuổi thọ bình quân, tỉ lệ số người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học các cấp giáo dục (tiểu học, trung học, đại học), thu nhập bình quân đầu người. Sử dụng số liệu của các quốc gia OECD để xem xét mối tương quan giữa chỉ số phát triển con người với tỉ lệ phần trăm của chỉ tiêu phúc lợi so với GDP, cho thấy (Xem Hình 1)

**Hình 1: Mối quan hệ giữa tỉ lệ phần trăm của chỉ tiêu phúc lợi so với GDP và chỉ số phát triển con người**

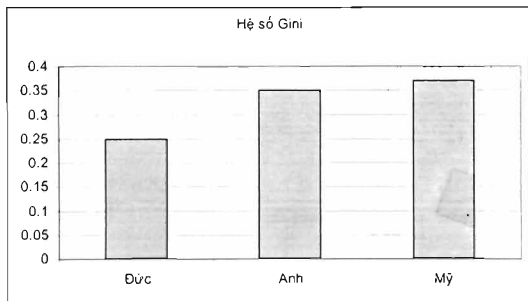


Đồ thị trên cho thấy tỉ lệ chỉ tiêu phúc lợi so với GDP càng tăng thì chỉ số phát triển con người càng cao.

Để xem xét mô hình nào tốt hơn giữa hai mô hình nhà nước phúc lợi và kinh tế thị trường tự do mà Mỹ và Anh hiện nay vẫn theo đuổi, phần sau sẽ đánh giá các chỉ số xã hội của các nước Đức, Mỹ và Anh.

**Bất bình đẳng về thu nhập**

**Hình 2:**



Source: Smeeding (2004).

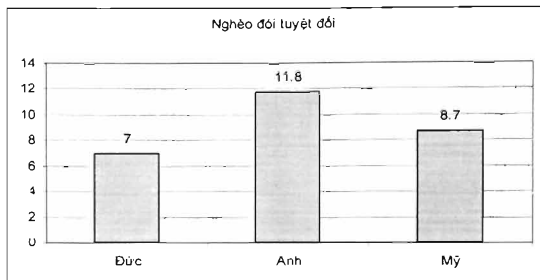
Hình trên cho thấy Anh và Mỹ là hai nước theo mô hình kinh tế thị trường tự do có hệ số bất bình đẳng về thu nhập cao hơn với nước Đức, nước theo mô hình Kinh tế thị trường xã hội hay còn gọi là mô hình nhà nước phúc lợi.

Hệ số Gini là thước đo phổ biến nhất về bất bình đẳng thu nhập, được sử dụng trong bài viết này để so sánh giữa các quốc gia. Hệ số Gini biến đổi từ 0 đến 1. Khi hệ số Gini bằng 0 nghĩa là phân phối thu nhập là hoàn toàn bình đẳng; Bằng 1 nghĩa là tất cả thu nhập trong xã hội đều tập trung vào một nhóm người. Như vậy, hệ số Gini càng thấp càng thể hiện độ bình đẳng trong phân phối thu nhập.

**Nghèo đói**

Bất bình đẳng về thu nhập là nguyên nhân của các vấn đề xã hội, nhưng nghèo đói cũng được coi là vấn đề cần phải giải quyết trong bất kỳ xã hội nào. Chỉ số nghèo đói ở đây được điều chỉnh theo sức mua tương đương.

Hình 3:



*Nguồn:* Scruggs and Allan (2005).

Hình trên cho thấy Mỹ là nước có GDP bình quân đầu người cao nhất nhưng tỉ lệ người nghèo đói chiếm 8,7% trong xã hội, tỉ lệ này của Anh là 11,8%, trong khi đó Đức lại có tỉ lệ người nghèo thấp nhất, chiếm 7%.

### *Y tế*

Số liệu về chi tiêu y tế cho thấy Đức là nước có tỉ lệ chi tiêu của nhà nước cho y tế so với GDP chiếm tỉ lệ cao nhất so với Mỹ và Anh. Tỉ lệ này của Đức, Anh và Mỹ tương ứng là 8,7%, 6,4% và 6,7%. Tuy nhiên, nếu đem tỉ lệ chi tiêu của tư nhân cho y tế so với GDP thì Mỹ lại là nước chiếm tỉ lệ cao nhất, 8,3%. Nếu xét tổng chi tiêu cho y tế của các khu vực nhà nước và tư nhân thì Mỹ vẫn là nước có tỉ lệ chi cho y tế so với GDP là cao nhất.

Xem xét chi tiêu cho y tế bình quân đầu người cho thấy Mỹ là nước có mức chi tiêu của chính phủ cho y tế bình quân đầu người vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất 2.502 USD, tiếp đến là Đức 2.343 USD, thấp nhất là Anh 1.861. Chi tiêu của khu vực tư nhân cho y tế bình quân đầu người ở Mỹ chiếm tỉ lệ cao nhất và lớn hơn rất nhiều so với các nước Đức và Anh. Như vậy mặc dù được coi là nước theo mô hình kinh tế thị trường tự do nhưng Mỹ lại là nước có chi tiêu của chính phủ cho y tế bình quân đầu người vẫn cao hơn so với Đức. Điều này có thể do Mỹ có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với Đức nên tổng thu ngân sách lớn hơn so với nước này. Tuy nhiên, Anh cũng là nước theo mô hình kinh tế thị trường tự do tại có chi tiêu chính phủ cho y tế bình quân đầu người thấp hơn so với Đức.

**Bảng 1:**

	Tỉ lệ chi tiêu cho y tế so với GDP (%)			Chi tiêu cho y tế bình quân đầu người quy đổi theo sức mua tương đương (Đơn vị: USD)		
	Nhà nước	Tư nhân	Tổng	Nhà nước	Tư nhân	Tổng
Đức	8,7	2,4	11,1	2.343	653	2.996
Anh	6,4	1,1	7,7	1.861	370	2.231
Mỹ	6,7	8,3	15	2.502	3.133	5.635

Nguồn: Số liệu về y tế của các nước OECD năm 2005.

Mặc dù Mỹ là nước có chi tiêu y tế của chính phủ bình quân đầu người cao nhất, nhưng điều này chưa thể phản ánh được hiệu quả của chăm sóc y tế. Bảng chứng chỉ ra

rằng, năm 2003, 15,6% dân số Mỹ (khoảng 45 triệu người) không có bất cứ hình thức bảo hiểm y tế nào (Carmen và các cộng sự, 2004, trang 14).

**Bảng 2:**

	Tuổi thọ bình quân	Tỉ lệ chết của trẻ sơ sinh (so với 1.000 trẻ sinh ra)
Đức	78.4	4.2
Anh	78.5	5.3
Mỹ	77.2	7

Nguồn: số liệu về y tế của OECD, 2005.

Bảng trên cho thấy tuổi thọ bình quân của Đức và Anh cao hơn so với Mỹ. Tuy nhiên, tỉ lệ chết của trẻ sơ sinh so với 1.000 trẻ sinh ở Đức là thấp nhất, Mỹ có tỉ lệ cao nhất. Điều này thể hiện chi tiêu cho y tế của Mỹ chưa hiệu quả so với chi tiêu của Đức trong khi Mỹ lại là nước có chi tiêu cho y tế bình quân đầu người cao hơn Đức.

**Tội phạm**

Một thước đo khác cũng rất cần được xem xét khi so sánh mô hình nhà nước phúc lợi với mô hình kinh tế thị trường tự do là tội phạm. Những người theo mô hình nhà nước phúc lợi cho rằng, do sử dụng mạnh công cụ nhà nước trong việc phân phối lại của cải nên bất bình đẳng trong xã hội thấp. Điều

này dẫn đến tỉ lệ tội phạm ở những nước theo mô hình nhà nước phúc lợi thấp hơn so với những nước theo mô hình kinh tế thị trường tự do.

**Bảng 3:**

	Tỉ lệ tội phạm giết người trên 100.000 người dân	Tỉ lệ dân số bị tù trên 100.000 người
Đức	1,2	97
Anh	1,6	144
Mỹ	5,6	724

*Source: International Centre for Prison Studies (2006).*

Bảng trên cho thấy tỉ lệ tội phạm giết người trên 100.000 người ở Mỹ là cao nhất, gấp gần 6 lần so với Đức. Tuy nhiên tỉ lệ này đối với Anh lại không cao so với Đức. Tỉ lệ dân số bị tù trên 100.000 người cho thấy Mỹ vẫn là nước chiếm tỉ lệ cao nhất, gấp gần 6 lần so với Anh và gấp hơn 7 lần so với Đức.

Như vậy có thể thấy rằng hai nước Mỹ và Anh theo mô hình kinh tế thị trường tự do có tỉ lệ tội phạm cao hơn so với Đức, là nước theo mô hình nhà nước phúc lợi.

### 3. Kết luận

Nước Đức sau những năm phát triển mạnh mẽ đã suy giảm sau khi thống nhất lại, có sự đoàn kết giữa các giới chủ, thường từ những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, thị trường lao động và giáo dục hướng theo sự đào tạo chuyên môn và kỹ thuật. Nền kinh tế Đức đang phải chịu đựng hai gánh nặng: dân số gần như già nhất châu Âu và xây dựng lại vùng đất phía Đông.

Với nền kinh tế thịnh vượng và mạnh về kỹ thuật, nhưng nước Đức lại là một trong những nền kinh tế phát triển chậm chạp nhất trong toàn bộ Khu vực sử dụng đồng Euro. Dân số đang già hóa, tỷ lệ thất nghiệp cao đã đẩy chi phí cho an sinh xã hội lên đến mức vượt quá cả đóng góp của những người lao động (Vincenzo Galasso, 2008). Cơ cấu trong thị trường lao động rất ngặt nghèo với các quy định quá nghiêm khắc trong việc sa thải nhân viên và xác định mức lương trên cơ sở toàn quốc đã khiến cho hiện tượng thất nghiệp trở thành một vấn nạn. Chính vì những vấn đề này mà trong những năm 1990, một số các giải pháp chính sách nhằm giải quyết vấn đề này đã được đưa ra, tuy nhiên kết quả vẫn còn chưa được thỏa mãn. Những điều chỉnh này chỉ thuần túy giải quyết triệu chứng, chứ chưa giải quyết tận gốc vấn đề, do đó tỷ lệ thất nghiệp của Đức vẫn ở mức cao nhất châu Âu.

Mặc dù Đức đã chi một khoản rất hào phóng về trợ cấp xã hội và điều này đã giúp



hạn chế bất bình đẳng về thu nhập và tiền công, nhưng những kết quả này phải trả giá cho sự phân mảnh của thị trường lao động và một lượng lớn người thất nghiệp dài hạn (Eichhorst et al., 2008). Nhà nước phúc lợi Đức đứng trước rủi ro về sự mất tính ổn định lâu dài, và tăng thêm gánh nặng về chi phí lao động, giảm khả năng cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế Đức.

Chính vì vậy, hàng loạt cải cách về thị trường lao động đã được đưa ra. Cuộc cải cách này đã giải quyết thành công vấn đề thị trường lao động của Đức. Trong những giải pháp đó có giải pháp khuyến khích những người già trở lại lao động. Cuộc cải cách cũng loại bỏ đi các chương trình tạo việc làm không hiệu quả, tái cơ cấu lại bảo hiểm thất nghiệp dài hạn. Kết quả là, thị trường lao động của Đức đã phát triển ngoạn mục. Ví dụ, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của người già có độ tuổi từ 55-64 tăng gần 20% kể từ năm 2003 và 62,5% trong năm 2010 (Rinne and Zimmermann, 2012). Điều này là do cơ chế nghỉ hưu sớm đã bị loại bỏ.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bosworthe, B. 1980, *Re-establishing an economic consensus: An impossible agenda*, Daedalus 109:59-70.
2. Carmen DeNavas-Walt, Bernadette D. Proctor, and Robert J. Mills, *Income, Poverty, and Health Insurance Coverage in the United States: 2003*, Washington, DC: U.S. Census Bureau (August 2004), p. 14.
3. Eichhorst W, Grienberger-Zingerle M, Konle-Seidl R (2008), *Activation Policies in Germany: From Status Protection to Basic Income Support*. In: Eichhorst W, Kaufmann O, Konle-Seidl R (eds) *Bringing the Jobless into Work?* Springer, Berlin.
4. Fiedler, E. 1975. *Economic policies to control stagflation*. In *Inflation: Long-term Problems: Proc. Academy of Political Science*. Ed, C. Hariss, 31: 169-78.
5. Haveman, R. 1978, *Unemployment in Western Europe and the United States: A problem of demand, structure, or measurement*, *American Economic Review*, 68:44-50.
6. Myles, J. 1984. *State structures and the structure of the welfare state: Comment on Skocpol*. Presented at the Conference of Political Economics, Department of Political Science, University, Minneapolis.
7. Rinne and Zimmermann, 2012, *Another economic miracle? The German labor market and the Great Recession*, IZA Journal of Labor Policy.
8. Vincenzo Galasso, 2008, *The Political Future Of Social Security In Aging Societies*, MIT Press.